

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GL
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Số 514/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06/12/2022
Về việc: *Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GL, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Minh;
Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 411/2022/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa ra xét xử số 110/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Chị Trần Thị M, sinh năm 1993;

ĐKHKTT: Thôn LC, xã DQ, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn XL, xã XL, huyện TT, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn:

Anh Lê Công D, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn LC, xã DQ, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Chị Trần Thị M và anh Lê Công D có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/09/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lê Công D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 82/2015, quyền số 01/2015, ngày 30/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã DQ, huyện GL, thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn với tôi, anh D đã từng có vợ và ly hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn LC, xã DQ, huyện GL, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, tính cách sống, đời sống chung vợ chồng không hòa hợp, hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng vào tháng 07/2022, vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Hai bên đều đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D.

Về con chung: Tôi và anh D có 02 con chung là: Cháu Lê Minh T, sinh ngày 02/07/2016 và cháu Lê Quỳnh C, sinh ngày 12/06/2020. Hiện nay, anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Quỳnh C, để anh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Minh T; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về con riêng: Anh D có một người con riêng với vợ trước là cháu Lê Khánh L, sinh năm 2009. Hiện nay cháu L đang ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Thanh H.

Ngoài ra vợ chồng tôi không có con nuôi nào khác.

Lý do tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quỳnh C là: Hiện nay cháu Lê Quỳnh C còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ và do trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh D đã cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con chung của tôi.

Về tài sản chung vợ chồng: Tôi và anh D tự thỏa thuận giải quyết; tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ): Tôi và anh D không có nợ chung; tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung vợ chồng.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

** Bị đơn là anh Lê Công D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Trần Thị M kết hôn trên cơ sở tự

nguyên, có đăng ký kết hôn số 82/2015, quyền số 01/2015, ngày 30/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã DQ, huyện GL, thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn với chị M, tôi đã từng có vợ và ly hôn theo quy định của pháp luật vào đầu năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi về chung sống cùng gia đình nhà tôi tại thôn LC, xã DQ, huyện GL, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 07/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, tính cách sống, đời sống chung vợ chồng không hòa hợp, hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng vào tháng 07/2022, chị M chuyển về gia đình nhà ngoại sinh sống, tháng 09/2022 vợ chồng có quay lại chung sống với nhau được 10 ngày thì chị M lại tiếp tục bỏ về gia đình nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Tôi đã cố gắng làm mọi cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng cho đến nay không có kết quả. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Tôi đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Tôi và chị M có 02 con chung là: Cháu Lê Minh T, sinh ngày 02/07/2016 và cháu Lê Quỳnh C, sinh ngày 12/06/2020. Hiện nay, tôi đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Trường hợp phải ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Quỳnh C và cháu Lê Minh T; tôi không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Lý do tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Minh T và cháu Lê Quỳnh C: Do cả hai cháu đều được ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng từ bé; tôi không muốn hai cháu phải sống xa nhau; cả ông bà nội và bố đều quan tâm chăm sóc các cháu; không làm sáo trộn cuộc sống của các cháu, tránh tổn thương về tinh thần cho các cháu; tránh cho cháu Chi mất mát tình cảm của gia đình bên nội và do trước khi làm đơn xin ly hôn ra Tòa chị M đã đồng ý cho tôi được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu.

Về con riêng: Tôi có một người con riêng với vợ trước là cháu Lê Khánh L, sinh ngày 26/05/2009; hiện nay cháu L đang ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Thanh H. Về phần con riêng là trách nhiệm của tôi, không liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa tôi và chị M.

Ngoài ra vợ chồng tôi không có con nuôi nào khác.

Về tài sản chung vợ chồng: Tôi và chị M tự thỏa thuận giải quyết; tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 12/10/2022, anh D cho rằng: Anh và chị M có 200.000.000 đồng cho chị H vay và anh yêu cầu chia đôi số tiền đã cho chị H vay. Trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như sau này, anh D xin rút lời khai về việc chị M có 200.000.000 đồng cho chị H vay và anh cũng rút yêu cầu về việc đề nghị Tòa án chia đôi số tiền 200.000.000 đồng mà chị M cho chị H vay.

Về nợ chung vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ): Tôi và chị M không có nợ chung; tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung vợ chồng.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

** Tại biên bản làm việc ngày 10/11/2022, đại diện Ủy ban nhân dân xã DQ cung cấp:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công D và chị Trần Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 82/2015, quyển số 01/2015, ngày 30/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã DQ, huyện GL, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh D và chị M về chung sống với gia đình anh D tại thôn LC, xã DQ, huyện GL, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng anh D và chị M có mâu thuẫn, bất hòa dẫn đến thường xuyên cãi nhau, xô xát. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D và chị M bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Tổ hòa giải của Thôn đã nhiều lần khuyên giải anh chị nhưng không có kết quả. Tháng 07/2022, chị M không về chung sống cùng anh D; đến tháng 09/2022, chị M có quay lại sống cùng anh D vài ngày thì bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị M ở TT, Bắc Ninh và không sống cùng anh D nữa.

Về con chung: Anh D và chị M có 02 con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày 02/07/2016 và cháu Lê Quỳnh C, sinh ngày 12/06/2020. Hiện cả hai cháu đều đang sinh sống cùng anh D và gia đình. Thỉnh thoảng chị M có về thôn LC để thăm con nhưng gặp khó khăn do gia đình anh D.

Về con riêng: Trước khi kết hôn với chị M, anh D có một người con riêng với vợ trước là cháu Lê Khánh L, sinh ngày 26/05/2009; hiện nay cháu L đang ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Thanh H. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chính quyền địa phương không nắm được.

Hiện nay, anh D đang là công nhân tại Công ty S Việt Nam, thu nhập là bao nhiêu quyền địa phương không nắm được.

Quá trình chung sống tại địa phương, anh D và chị M chấp hành tốt quy định của pháp luật và địa phương.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh D và chị M: Chính quyền địa phương không nắm được.

Nay chị M khởi kiện xin ly hôn với anh D, yêu cầu giải quyết vấn đề giao nuôi con, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại Biên bản làm việc ngày 11/10/2022, bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ của chị Trần Thị M trình bày:*

Chị M và anh D có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính cách sống, đời sống chung vợ chồng không hòa hợp, hạnh phúc. Gia đình đã hết sức vun vén, nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 09/2022 đến nay. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh D để hai bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới. Về con chung: Chị M và anh D có 02 con chung là cháu Lê Minh T và cháu Lê Quỳnh C. Khi hai chồng có mâu thuẫn, chị M đã nhiều lần yêu cầu anh D và gia đình cho đón cháu Chi về để nuôi dưỡng chăm sóc vì cháu Chi còn nhỏ nhưng anh D không đồng ý, không cho chị M đón con nên vợ chồng xảy ra xô sát. Trường hợp, chị M và anh D ly hôn, gia đình chúng tôi cam đoan sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ mọi mặt cho chị M để chăm sóc, giáo dục con tốt. Về tài sản chung và công nợ của chị M và anh D, gia đình bà không biết, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ, đưa ra yêu cầu mới và giữ nguyên lời khai ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, cơ quan, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Lê Công D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm tính cách sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 07/2022 cho đến nay, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị M và anh D cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị M xin ly hôn, anh D đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Lê Công D.

Về con chung: Chị M và anh D xác nhận anh chị có 02 con chung là: Cháu Lê Minh T, sinh ngày 02/07/2016 và cháu Lê Quỳnh C, sinh ngày 12/06/2020. Đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cho anh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Minh T; giao cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quỳnh C kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T, cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị M và anh Lê Công D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Trần Thị M và anh Lê Công D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị M và anh D tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không xét.

Về nợ chung của vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ): Chị M và anh D xác nhận anh chị không có nợ chung. Chị M và anh D không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng nên không xét.

Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL tham gia phiên tòa và người tham gia tố tụng về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn là chị Trần Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc giao nuôi con chung với bị đơn là anh Lê Công D đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Hiện anh D có địa chỉ cư trú tại: Thôn LC, xã DQ, huyện GL, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án và yêu cầu của các bên đương sự:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị M và anh Lê Công D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DQ, huyện GL, thành phố Hà Nội ngày 30/10/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần do bất đồng về quan điểm tính cách sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 07/2022 cho đến nay, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị M và anh D cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị M và anh D cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Lê Công D.

[2.2] *Về con chung:*

Chị M và anh D cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Lê Minh T, sinh ngày 02/07/2016 và cháu Lê Quỳnh C, sinh ngày 12/06/2020. Hiện nay, cả hai cháu ở cùng với anh D và gia đình tại thôn LC, xã DQ, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quỳnh C, còn để anh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Minh T từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T, cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con; hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu Lê Minh T và cháu Lê Quỳnh C từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T, cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con và không yêu cầu chị M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Xét yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị M và anh D:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị M và anh D đều là công nhân tại Công ty S Việt Nam, có điều kiện làm việc và thu nhập tương đương như nhau, có điều kiện về chỗ ở và các điều kiện cần thiết khác để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt. Tuy nhiên, do anh chị có 02 con chung, cháu C là cháu gái và hiện đang dưới 36 tháng tuổi; đồng thời từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh D đã hạn chế, ngăn cản quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung của chị M nên để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho cháu C, cháu T và quyền lợi hợp pháp của chị M cần giao cháu C cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu T cho anh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và điều kiện thực tế của chị M, anh D.

Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.*”

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”.

Do vậy, giao cho chị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C; giao cho anh D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T từ khi vợ chồng ly hôn đến khi cháu T, cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về nuôi con. Chị M và anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M, anh D đều được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung và cả hai anh chị đều không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi cháu T, cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về con riêng của anh D: Không liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị M nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị M và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung (vay nợ và cho vay nợ): Chị M và anh D xác nhận anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL tham gia phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị M là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Lê Công D.

2. Về con chung:

Chị Trần Thị M và anh Lê Công D xác nhận anh chị có 02 con chung là: Cháu Lê Minh T, sinh ngày 02/07/2016 và cháu Lê Quỳnh C, sinh ngày 12/06/2020.

Giao cháu Lê Minh T cho anh Lê Công D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly hôn đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Lê Quỳnh C cho chị Trần Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly hôn đến khi cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị M và anh Lê Công D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị M và anh Lê Công D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trần Thị M và anh Lê Công D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung (vay nợ và cho vay nợ): Chị Trần Thị M và anh Lê Công D xác nhận anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0073533 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GL. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M và anh Lê Công D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện GL;
- Chi cục THADS huyện GL;
- UBND xã DQ, huyện GL (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2015, quyển số 01/2015, ngày 30/10/2015);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Trọng